

**BIÊN BẢN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Ban hành theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Thời gian:** Vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 6 năm 2024
- Địa điểm:** Tại trường THCS Tân Hưng – Thị Trần
- Thành phần Hội đồng tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số:**
 - Bà Nguyễn Thị Hồng – Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng;
 - Bà Trần Thị Hương – Phó Hiệu trưởng – Phó Chủ tịch Hội đồng;
 - Bà Lương Thị Phương – Giáo viên Tin học – Thư ký;
 - Bà Nguyễn Thị Minh Mến – Giáo viên TPT – Thành viên;
 - Bà Lê Thị Thu Hoài – Tổ trưởng Tổ KHXH – Thành viên;
 - Bà Nguyễn Thị Nhuận – Tổ trưởng Tổ KHTN – Thành viên;
 - Bà Phạm Thị Duyên – Tổ trưởng Tổ Văn phòng – Thành viên.
- Nội dung kiểm tra, đánh giá**

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hàng năm)		Điều kiện bắt buộc		- KH tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024 (KH số 155a/KH-TrH ngày 23/9/2023) - KHGD nhà trường năm học 2023-2024 (KH số 107/KH-TrH ngày 31/8/2023)
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến		Điều kiện bắt buộc		Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (Ban hành kèm theo QĐ số 155b/QĐ-TrH ngày 23/09/2023).
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên): zoom meeting; Microsoft Teams (đường link: Zoom.org.vn;microsoft.com); - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;	30	1/6 điểm Tối đa 6 điểm 3/24 điểm	Mức độ 1 (4 điểm) Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 -20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	
			Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.				
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<p>10/10 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm 	<p>Mức độ 3 (10 điểm)</p> <p>Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm</p>	<p>(Đường link và số lượng học liệu)</p> <p>Năm học 2023-2024, nhà trường đã xây dựng được 108 học liệu.</p> <p>https://elearning.haiphong.edu.vn/</p>
1.5.	<p>Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)</p> <p>Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường</p>	20	<p>3/15 điểm</p> <p>Tối đa 15 điểm</p>	<p>Mức độ 1 (3 điểm)</p> <p>Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm</p>	Phòng vi tính của nhà trường có kết nối mạng LAN
			<p>0/5 điểm</p> <p>Tối đa 5 điểm</p>		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng	
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu (25/25 tài khoản = 100%, trong đó có 02 tk của CBQL và 01 tk admin)	20	<30%: <i>tối đa 2 điểm</i> ; 30%-60%: <i>tối đa 4 điểm</i> ; >60%: <i>tối đa 7 điểm</i> 7/7 điểm	Mức độ 3 (20 điểm)	DS tài khoản BD của GV trên LMS https://tapquan.csdl.edu.vn/admin (có DS cụ thể)	
				Mức độ 1: dưới 8 điểm		Mức độ 3: trên 14 điểm
				Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học: 14/14 phòng, đạt 100%	20	<20%: <i>tối đa 2 điểm</i> ; 20%-60%: <i>tối đa 5 điểm</i> ; >60%: <i>tối đa 8 điểm</i> 8/8 điểm	Mức độ 2 (13 điểm)	100% các phòng học có đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet. - Hình ảnh các lớp học có thiết bị: <i>Toàn trường có 596 HS trong đó</i>	
				Mức độ 1: dưới 8 điểm		Mức độ 2: từ

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm 5/7 điểm	8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	K6: 193 HS; K7: 162 HS; K8: 130 HS; K9: 111 HS Tổng số máy tính dạy học tại phòng Tin: 25 máy tính. Sĩ số lớp cao nhất: 50 HS/lớp. Đảm bảo tối đa 02 HS/ máy.
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm 0/5 điểm		
Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số trong dạy học			50/100	2	
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)		Điều kiện bắt buộc		Ban chỉ đạo hệ thống CSDL, CNTT và CDS (Trưởng ban: đ/c Nguyễn Thị Hồng-HT; Email: nguyenthi.hng@gmail.com;

¹ **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
2.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		Điều kiện bắt buộc		DT: 0947134589) - Quyết định thành lập Ban CNTT và CDS năm học 2023-2024
2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường - Có triển khai phần hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) http://truong.haiphong.edu.vn - Có triển khai số điểm điện tử, học bạ điện tử http://truong.haiphong.edu.vn / Quản lý giáo dục / Mục 5 Nhập liệu/ Nhập điểm...) Mục 7. In ấn (số điểm/ học bạ...) http://truong.haiphong.edu.vn / Quản lý học bạ, số điểm / Học bạ điện tử (/ Số điểm điện tử). - Có triển khai phần hệ quản lý đội ngũ	70	Tối đa 8 điểm 8/8 điểm Tối đa 8 điểm 8/8 điểm File PDF: tối đa 3 điểm, Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm 3/10 điểm Tối đa 8 điểm	Mức độ 3 (60 điểm) Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	(Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn) Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường thông qua phần mềm CSDL ngành http://truong.haiphong.edu.vn/C2/ - Quyết định v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản trị trong nhà trường từ năm học 2023-2024 (QĐ số 203/QĐ-TRH ngày 26/10/2023) kèm theo Quy chế. - Quyết định thành lập ban quản lý hệ thống CSDL nhà trường.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	CBVCNV http://csdl.haiphong.edu.vn - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất (10 điểm) http://csdl.haiphong.edu.vn - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh http://csdl.haiphong.edu.vn - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán http://misa Mimosas ; - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) http://csdl.haiphong.edu.vn		8/8 điểm Tối đa 10 điểm 10/10 điểm Tối đa 10 điểm 7/10 điểm		
2.4	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: dichvucong.haiphong.gov.vn (4 điểm) - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: (12 điểm) https://truong.haiphong.edu.vn/TuyenSinhDaVuCap/C2/XetDuyetHoSoTrucTuyen.aspx - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (0	30	Tối đa 8 điểm 6/8 điểm Tối đa 12 điểm 10/12 điểm Tối đa 10 điểm	Mức độ 3 (26 điểm) Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	dichvucong.haiphong.gov.vn Trong năm học 2023-2024, nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của PHHS qua ứng dụng web (Có 230 PHHS tham gia khảo sát). - KH Tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2023-2024 (KH số 74/KH-THCSTHTT ngày 13/6/2023).

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	<i>điểm</i>)		10/10 điểm		
	Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyên đổi số trong quản trị CSGD		86	3	

2. Tự đánh giá mức độ chuyên đổi số theo 02 nhóm tiêu chí:

a) Nhóm tiêu chí “Chuyên đổi số trong dạy, học”:

- Tổng điểm: 50 Tự đánh giá: *Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2)*

b) Nhóm tiêu chí “Chuyên đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục”:

- Tổng điểm: 86 Tự đánh giá: *Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)*

Kết quả tự đánh giá mức độ Chuyên đổi số của Trường THCS Tân Hưng – Thị trấn đảm bảo cung cấp thông tin đúng thực tế và có đủ minh chứng kèm theo.

Kết quả đánh giá, xếp loại trên đã được 7/7 thành viên trong hội đồng Tự đánh giá nhất trí đạt 100%.

Buổi tự đánh giá kết thúc vào hồi 10h30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ

Lương Thị Phương

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC

Phạm Thị Diệu

Phan Thị Thu Hoa

Nguyễn Thị Nguyễn

Nguyễn Thị Minh Hoa

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng